

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày: 30- 6- 2020

Về việc: “Hợp đồng thẻ tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà HUỲNH THỊ C

2. Bà VÕ THỊ MỸ N

- Thư ký phiên tòa: Ông NGÔ MINH B - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh L.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L tham gia phiên tòa:
(không tham gia).

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2019/TLST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2019, về việc “Hợp đồng thẻ tín dụng”. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 160/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T; Trụ sở tại số 266- 268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Hồng S, chức vụ Giám đốc C nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T Vinh L; Trụ sở tại số 35B, Đường 3/2, Phường 1, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L (văn bản số: 4048 ngày 10/12/2018).

Đại diện ủy quyền của giám đốc C nhánh: Ông Nguyễn Phú Q, chức vụ Chuyên viên thu hồi nợ tín dụng (văn bản 23 ngày 22/10/2019). (vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Ý L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 207/21, Khóm 4, Phường 9, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/10/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T yêu cầu chấm dứt hợp đồng thẻ tín dụng số:356480-0075, ngày 14/9/2015 trước thời hạn. bà Hồ Thị Ý L phải trả tiền vay, tính đến ngày 20/10/2019 tổng cộng 10.831.084 đồng. Trong đó dư nợ 4.827.356 đồng, lãi quá hạn 5.985.728 đồng, chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 21/10/2019 cho đến khi thanh toán nợ vay theo hợp đồng.

Ông Nguyễn Phú Q khai: Ngân hàng và bà L có ký kết hợp đồng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) vào ngày 14/9/2015. Căn cứ vào thu nhập của bà L, Ngân hàng đã cấp 01 thẻ tín dụng số: 356480-0075, hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân. Thỏa thuận về cách tính lãi và áp dụng lãi suất vi phạm tại Điều 22, 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nếu không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn, đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn thì phải thanh toán lãi suất đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ; Ngân hàng có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ mà không cần thông báo cho chủ thẻ; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại đối với toàn bộ dư nợ.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng quốc tế Motor Card ngày 30/9/2015 cho bà L thực hiện giao dịch số tiền 5.000.000 đồng. Quá trình giao dịch thẻ hiện C tiết trên bản tóm tắt sao kê ngày 12/10/2019, bà L thanh toán nợ vay không đầy đủ và qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng không có thiện chí trả nợ. Đến ngày 31/01/2017, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/3/2020, bà L còn nợ vay tổng cộng 11.875.946 đồng (trong đó tiền gốc 4.827.356 đồng, tiền lãi quá hạn 6.848.590 đồng). Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng thẻ tín dụng số: 356480-0075, ngày 14/9/2015 trước thời hạn. Bà L phải trả nợ vay 11.875.946 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ vay theo quy định.

Bị đơn Hồ Thị Ý L vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 27/12/2019, ngày 24/02/2020 để tham gia phiên họp vào ngày 17/01/2020, ngày 11/3/2020; Thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/5/2020 nhưng vắng mặt, không lý do và không có lời khai phản hồi vụ kiện nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt ông Quốc theo đơn đề nghị ngày 10/6/2020, nộp bản sao kê tính lãi và ý kiến rằng: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện phần 2, phần 3 và rút khởi kiện phần 1 về việc tuyên chấm dứt hợp đồng thẻ tín dụng ngày 14/9/2015 trước thời hạn. Bản sao kê tính lãi thể hiện nợ vay đến ngày 29/6/2020 gồm: Tiền gốc

4.827.356 đồng, lãi suất quá hạn 7.512.330 đồng. Tổng cộng vốn lãi 12.339.686 đồng (Mười hai triệu ba trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm tám mươi sáu đồng). Bà L phải trả nợ vay 12.339.686 đồng và chịu lãi suất theo hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ vay.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bà L, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà L lần thứ nhất vào ngày 19/5/2020 và lần hai vào ngày 12/6/2020 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 05/6/2020 và phiên tòa sơ thẩm lần hai vào ngày 30/6/2020 nhưng bà L vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hợp đồng thẻ tín dụng ký kết giữa một bên chủ thẻ đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, sử dụng tiền vay vào mục đích tiêu dùng nên chưa hội đủ điều kiện qui định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì loại việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Hợp đồng thẻ tín dụng được xác lập vào năm 2015. Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự đang hiện hành để giải quyết.

- Thời hiệu khởi kiện: Ngày phát sinh tranh chấp 31/01/2017, Ngân hàng nộp đơn kiện 28/10/2019. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự, việc khởi kiện còn trong thời hạn.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T rút khởi kiện phần tuyên bố chấm dứt hợp đồng thẻ tín dụng trước thời hạn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần tuyên bố chấm dứt hợp đồng thẻ tín dụng trước thời hạn.

- Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L đã tổng đạt văn bản tố tụng để triệu tập bà L tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, không lý do; Ông Quốc vắng mặt theo đơn đề nghị. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bà L và ông Quốc theo luật định.

[2]. Ngân hàng yêu cầu bà L phải thanh toán vay và lãi suất đến ngày 29/6/2020 tổng cộng 12.339.686 đồng (trong đó tiền gốc 4.827.356 đồng, lãi suất quá hạn 7.512.330 đồng) trên cơ sở tài liệu chứng cứ hợp đồng thẻ tín dụng số: 356480-0075, ngày 14/9/2015 kèm theo chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà L. Đối với bà L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi thông báo thụ lý vụ án và không đưa ra chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên phải chịu hậu quả theo qui định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, các tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng xuất trình

thể hiện bà L ký tên thực hiện giao dịch thẻ tín dụng tại Ngân hàng thông qua các thủ tục nêu trên là có cơ sở.

[3]. Về mức lãi suất thỏa thuận phù hợp qui định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy, bà L phải chịu tiền lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận. Bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên được chuyển sang nợ quá hạn theo Điều 23 của hợp đồng thẻ tín dụng là có căn cứ. Do đó, theo quy định Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, bà L phải có nghĩa vụ thanh toán nợ vay 4.827.356 đồng theo lãi suất quá hạn kể từ ngày 31/01/2017 cho đến ngày 29/6/2020. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo (30/6/2020) cho đến khi thi hành án xong, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng thẻ tín dụng số: 356480-0075, ngày 14/9/2015.

[3]. **Về án phí sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Do đó, phía bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà L phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch là 617.000 đồng.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự, hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N⁰0005099 ngày 17/12/2019 của cơ quan C cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L, cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 và Điều 35, Điều 39, Điều 244, Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, Điều 466, Điều 429 Bộ luật dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

- Đình chỉ xét xử đối với phần tuyên bố chấm dứt hợp đồng thẻ tín dụng trước thời hạn.

- Buộc bà Hồ Thị Ý L phải thanh toán hợp đồng thẻ tín dụng số: 356480-0075 ngày 14/9/2015, tổng cộng các khoản nợ vay đến tại thời điểm ngày 29/6/2020 là 12.339.686 đồng (trong đó tiền gốc 4.827.356 đồng, lãi suất quá hạn 7.512.330 đồng) cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

Kể từ ngày 30/6/202 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng thẻ tín dụng số: 356480-0075, ngày 14/9/2015.

II. Án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự 617.000 đồng (Sáu trăm mười bảy nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự, hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số N⁰0005099 ngày 17/12/2019 của cơ quan C cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L, cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với đương sự có mặt được kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã Ký)

Nguyễn Thu T

Nơi nhận:

- TA.Tỉnh
- VKS cùng cấp
- THA cùng cấp
- Đương sự
- Lưu hồ sơ

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA.Tỉnh
- VKS cùng cấp
- THA cùng cấp
- Dương sự
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thu T